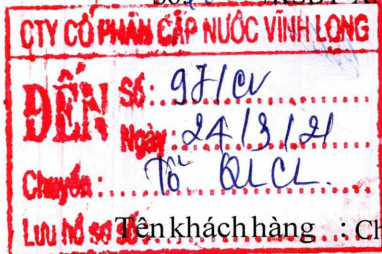


Số: 116 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0105.21



Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Tam Bình  
Địa chỉ: Số 390/8 Khóm 4, TT. Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long  
Tên mẫu: Nước ăn uống S33  
Lượng mẫu: 1đv x 2lít, 1đv x 1lít  
Ngày nhận mẫu: 05/03/2021  
Tình trạng mẫu: Đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                                | Phương pháp                           | Kết quả                             | Tiêu chuẩn         | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-----------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|------------------|
| 1   | Chỉ số Pecmanganate (độ ôxi hóa)        | TCVN 6186-1996                        | 0,77 mg/L                           | $\leq 2$ mg/L      | 05/03/2021       |
| 2   | Clo dư (đo tại hiện trường)             | HACH (DPD Free Chlorine)              | 0,5 mg/L                            | 0,3 - 0,5 mg/L     | 05/03/2021       |
| 3   | Hàm lượng Clorua                        | SMEWW 2017-4500-Cl <sup>-</sup> - B   | 81,48 mg/L                          | $\leq 250$ mg/L    | 05/03/2021       |
| 4   | Mangan tổng số (Mn)                     | SMEWW 2017-3500-Mn-B(*)               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,04 mg/L | $\leq 0,3$ mg/L    | 08/03/2021       |
| 5   | Màu sắc                                 | SMEWW 2017-2120 C                     | < 5 TCU                             | $\leq 15$ TCU      | 05/03/2021       |
| 6   | Mùi vị                                  | Cảm quan                              | Không có mùi vị lạ                  | Không có mùi vị lạ | 05/03/2021       |
| 7   | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )  | TCVN 6180-1996                        | 2,46 mg/L                           | $\leq 50$ mg/L     | 08/03/2021       |
| 8   | Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )  | SMEWW 2017-4500-NO <sub>2</sub> -B(*) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/L | $\leq 3$ mg/L      | 05/03/2021       |
| 9   | pH                                      | TCVN 6492-2011                        | 6,88                                | 6,5 - 8,5          | 05/03/2021       |
| 10  | Sắt tổng số (Fe)                        | SMEWW 2017-3500-Fe-B(*)               | 0,09 mg/L                           | $\leq 0,3$ mg/L    | 05/03/2021       |
| 11  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ) | US-EPA 1997-375.4                     | 24,40 mg/L                          | $\leq 250$ mg/L    | 05/03/2021       |
| 12  | Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>    | SMEWW 2017-2340 C(*)                  | 109 mg/L                            | $\leq 300$ mg/L    | 05/03/2021       |
| 13  | Độ đục                                  | SMEWW 2017-2130 B                     | 0,91 NTU                            | $\leq 2$ NTU       | 05/03/2021       |
| 14  | Coliform tổng cộng                      | TCVN 6187-1:2009(*)                   | 0/100 mL                            | 0/100 mL           | 08/03/2021       |
| 15  | E.coli                                  | TCVN 6187-1:2009(*)                   | 0/100 mL                            | 0/100 mL           | 08/03/2021       |

#### Chú thích:

- (\*): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- Tham chiếu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TRƯỞNG KHOA XN-CDHA-TDCN

KS. Võ Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



BSCKI. Võ Thế Châu